

Bản án số: 23/2024/DS-ST

Ngày 26 - 9 - 2024

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y, TỈNH VĨNH PHÚC**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Song Lưu

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Bích Nguyệt và ông Hoàng Văn Khảm

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Việt Anh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Y

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y tham gia phiên tòa:** Bà Vũ Thị Xuân, Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 16/2024/TLST-DS ngày 22 tháng 02 năm 2024, về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2024/TLST-DS ngày 22 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1959; địa chỉ: tổ 21, khu phố P, phường M, thị xã P.M, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, có mặt.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1960; địa chỉ: tổ 14, khu phố P, phường M, thị xã P.M, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; hiện cư trú tại: thôn C, xã Đ, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc, có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị L trình bày:

Bà làm tổ trưởng tổ dân phố, còn bà Nguyễn Thị M làm chi hội phó chi Hội phụ nữ khu phố P. Năm 2022, bà M nhiều lần vay tiền bà. Cụ thể:

Lần 1: Ngày 27/01/2022 vay 50.000.000đ.

Lần 2: Ngày 12/5/2022 vay 100.000.000đ.

Lần 3: Ngày 26/5/2022 vay 100.000.000đ.

Lần 4: Ngày 16/6/2022 vay 30.000.000đ.

Lần 5: Ngày 01/8/2022 vay 65.000.000đ.

Tổng cộng: 345.000.000đ (ba trăm bốn mươi lăm triệu đồng).

Toàn bộ các lần vay đều không thế chấp hoặc cầm cố tài sản gì, không người chứng kiến, lãi suất 2%/tháng, thời hạn trả 03 tháng kể từ ngày vay. Đến ngày 15/12/2022, bà M trả được 65.000.000đ tiền gốc và 13.000.000đ tiền lãi. Từ năm 2023 đến nay, bà M không trả bà khoản tiền gốc, lãi còn nợ. Ngày 21/8/2023, bà

khởi kiện đến Tòa án nhân dân thị xã P.M, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu thì bà M đã chuyển về cư trú tại thôn C, xã Đ, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc, Tòa án nhân dân thị xã P.M chuyển hồ sơ khởi kiện của bà đến Tòa án nhân dân huyện Y giải quyết theo thẩm quyền. Nay bà đề nghị Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị M trả bà số tiền gốc còn nợ 280.000.000đ (hai trăm tám mươi triệu đồng) không lãi suất.

Tại phiên tòa, bà L xác định lãi suất theo thỏa thuận giữa bà với bà M là 7%/tháng, bà M đã trả lãi từ ngày vay đến ngày 15/12/2022. Bà yêu cầu bà M phải trả khoản nợ gốc còn lại sau khi trừ số tiền lãi bà M trả vượt quá quy định của pháp luật.

Bị đơn bà Nguyễn Thị M trình bày: Gia đình bà cư trú tại thôn C, xã Đ, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc. Năm 2005, bà chuyển vào cư trú tại khu phố P, phường M, thị xã P.M, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu nên quen biết bà L.

Năm 2022, do thiếu tiền làm ăn, bà nhiều lần vay tiền bà L. Mỗi lần vay đều không người chứng kiến, không thế chấp, cầm cố tài sản gì, lãi suất do hai bên thỏa thuận, hàng tháng bà trả bà L tiền lãi. Khi vay bà viết vào sổ nợ để bà L giữ. Đến tháng 12/2022, bà trả bà L cả gốc và lãi khoảng 85.000.000đ. Tuy nhiên do thời gian lâu, bà lại không được giữ giấy tờ vay và trả nợ nên không nhớ bà còn nợ bà L bao nhiêu tiền. Nay bà L yêu cầu bà trả 280.000.000đ, bà đề nghị Tòa án giải quyết để bà L xóa khoản nợ cho bà hoặc cho bà nhất đến khi nào bà phục hồi sức khỏe, đi làm được sẽ trả. Vì từ cuối năm 2022, bà bị phát hiện bị mắc bệnh ung thư cổ tử cung, năm 2024 bệnh của bà chuyển sang di căn phải truyền hóa chất, không đi làm được, sức khỏe yếu, phải đi điều trị ở nhiều cơ sở y tế, chi phí rất tốn kém.

Tại phiên tòa, bà M cũng xác định bà và bà L thỏa thuận lãi suất 7%/tháng, bà đã trả lãi từ ngày vay đến ngày 15/12/2022. Từ năm 2023 đến nay bà bị mắc bệnh ung thư cổ tử cung nên không có khả năng trả gốc và lãi nữa.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; các đương sự đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 280, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bà Nguyễn Thị M phải trả bà Nguyễn Thị L khoản tiền nợ gốc còn lại sau khi trừ khoản tiền lãi bà M đã trả bà L vượt quá quy định của pháp luật; bà M thuộc trường hợp người cao tuổi nên được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị M trả 280.000.000đ (hai trăm tám mươi triệu đồng) không lãi suất; bà M hiện cư trú tại huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc. Do vậy, xác định đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

Năm 2022 bà Nguyễn Thị L nhiều lần cho bà Nguyễn Thị M vay tiền với tổng số tiền theo bà L là 345.000.000 (ba trăm bốn mươi lăm triệu đồng), cuối năm 2022, bà M đã trả được 65.000.000đ tiền gốc, tiền lãi bà M trả hàng tháng đến ngày 15/12/2022. Hiện bà M còn nợ 280.000.000đ (hai trăm tám mươi triệu đồng). Theo bà M, bà vay tiền bà L nhiều lần, lãi bà đã trả hàng tháng đến ngày 15/12/2022, bà đã trả bà L cả gốc và lãi khoảng 85.000.000đ. Mỗi lần vay, trả nợ đều viết giấy tờ để bà L giữ, bà không được giữ giấy tờ vay, trả tiền nên không nhớ hiện còn nợ bà L bao nhiêu tiền. Nay bà L khởi kiện, yêu cầu bà trả 280.000.000đ (hai trăm tám mươi triệu đồng), trừ đi số tiền lãi mà bà đã trả bà L vượt quá quy định của pháp luật, bà M đề nghị bà L xóa khoản nợ cho bà hoặc cho bà khất đến khi nào bà phục hồi sức khỏe, đi làm được sẽ trả nợ. Vì hiện bà bị mắc bệnh ung thư cổ tử cung, chuyển sang di căn phải truyền hóa chất, sức khỏe yếu, không đi làm được.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời khai của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, có đủ cơ sở khẳng định, giữa bà L và bà M xác lập giao dịch dân sự là hợp đồng vay tài sản nên phát sinh quyền và nghĩa vụ.

Tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự quy định:

***“Điều 466. Nghĩa vụ trả nợ của bên vay***

*1. Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; ..., trừ trường hợp có thỏa thuận khác.”*

Xét thấy: Bà L cho bà M vay tiền từ năm 2022, thời hạn 03 tháng kể từ ngày vay phải trả gốc và lãi. Đã quá thời hạn nhưng bà M không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo như thỏa thuận. Bà M thừa nhận nhiều lần vay tiền bà L, hiện vẫn nợ bà L tiền nhưng không nhớ số tiền cụ thể còn nợ. Bà L suất trình được giấy tờ vay nợ, tính đến nay, số tiền gốc bà M còn nợ bà L là 280.000.000đ (hai trăm tám mươi triệu đồng) nên yêu cầu khởi kiện của bà L là có căn cứ cần chấp nhận.

Tuy nhiên, tại phiên tòa, bà L và bà M đều xác nhận, lãi suất thỏa thuận khi vay là 7%/tháng (tức = 84%/năm) của số tiền gốc, bà M đã trả bà L tiền lãi kể từ ngày vay đến ngày 15/12/2022. Tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự, lãi suất được quy định như sau:

*“1. Lãi suất vay do các bên thỏa thuận.*

*Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác....*

*Trường hợp lãi suất theo thỏa thuận vượt quá lãi suất giới hạn được quy định tại khoản này thì mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực”.*

Do vậy, mặc dù việc tính mức lãi suất do các đương sự tự nguyện thỏa thuận, không bị ép buộc, song thỏa thuận đó vượt quá quy định của pháp luật nên khoản lãi suất bà M đã trả bà L vượt quá theo hướng dẫn tại Điều 9 Nghị quyết 01/2029/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao được xử lý như sau:

**“Điều 9. Xử lý thỏa thuận về lãi, lãi suất cao hơn mức lãi, lãi suất được pháp luật quy định**

*Hợp đồng vay tài sản có thỏa thuận về lãi suất, lãi trên nợ gốc quá hạn, lãi trên nợ lãi quá hạn cao hơn mức lãi suất, lãi trên nợ gốc quá hạn, lãi trên nợ lãi quá hạn được pháp luật quy định thì mức lãi suất, lãi trên nợ gốc quá hạn, lãi trên nợ lãi quá hạn vượt quá không có hiệu lực; số tiền lãi đã trả vượt quá mức lãi suất, lãi trên nợ gốc quá hạn, lãi trên nợ lãi quá hạn quy định được trừ vào số tiền nợ gốc tại thời điểm trả lãi; số tiền lãi đã trả vượt quá còn lại sau khi đã trừ hết nợ gốc thì được trả lại cho bên vay”.*

Tại phiên tòa, ngoài ngày 15/12/2022 thì các đương sự không nhớ được cụ thể thời gian những lần bà M trả bà L tiền lãi, hơn nữa các đương sự cũng nhất trí thỏa thuận, thời gian xác định trả khoản tiền lãi được tính từ ngày vay cho đến trước ngày bà M đến vay tiền bà L lần tiếp theo. Việc vượt quá số tiền lãi, việc xử lý trừ vào số tiền nợ gốc cụ thể như sau:

- Lần 1: Từ ngày 27/01/2022 đến ngày 11/5/2022, số ngày tính lãi: 106 ngày, số tiền gốc 50.000.000đ, lãi tính theo mức 20%/năm = 2.904.110đ, lãi tính theo mức 7%/tháng = 12.366.667đ. Số tiền lãi đã trả vượt quá mức lãi suất: 12.366.667đ - 2.904.110đ = 9.462.557đ.

- Lần 2: Từ ngày 12/5/2022 đến ngày 25/5/2022, số ngày tính lãi: 14 ngày, số tiền gốc 150.000.000đ - 9.462.557đ (số tiền lãi vượt quá) = 140.537.443đ, lãi tính theo mức 20%/năm = 1.078.095đ; lãi tính theo mức 7%/tháng của số tiền gốc 150.000.000đ = 4.900.000đ. Số tiền lãi đã trả vượt quá mức lãi suất: 4.900.000đ - 1.078.095đ = 3.821.905đ.

- Lần 3: Từ ngày 26/5/2022 đến ngày 15/6/2022, số ngày tính lãi: 21 ngày, số tiền gốc 240.537.443đ - 3.821.905đ (số tiền lãi vượt quá) = 236.715.538đ, lãi tính theo mức 20%/năm = 2.723.850đ, lãi tính theo mức 7%/tháng của số tiền gốc 250.000.000đ = 12.250.000đ. Số tiền lãi đã trả vượt quá mức lãi suất: 12.250.000đ - 2.723.850đ = 9.526.150đ.

- Lần 4: Từ ngày 16/6/2022 đến ngày 31/7/2022, số ngày tính lãi: 46 ngày, số tiền gốc 266.715.538đ - 9.526.150đ (số tiền lãi vượt quá) = 257.189.388đ, lãi tính theo mức 20%/năm = 6.482.582đ, lãi tính theo mức 7%/tháng của số tiền gốc 280.000.000đ = 30.053.333đ. Số tiền lãi đã trả vượt quá mức lãi suất: 30.053.333đ - 6.482.582đ = 23.570.751đ.

- Lần 5: Từ ngày 01/8/2022 đến ngày 15/12/2022, số ngày tính lãi: 137 ngày, số tiền gốc 322.189.388đ - 23.570.751đ = 298.618.637đ, lãi tính theo mức 20%/năm = 22.416.851đ, lãi tính theo mức 7%/tháng của số tiền gốc 345.000.000đ = 110.285.000đ. Số tiền lãi đã trả vượt quá mức lãi suất: 110.285.000đ - 22.416.851đ = 87.868.149đ.

Như vậy, tổng số tiền gốc bà M còn phải trả bà L kể từ ngày 16/12/2022 đến ngày xét xử, sau khi khấu trừ khoản tiền lãi suất bà M đã trả bà L vượt quá theo quy định pháp luật của từng lần vay là: 298.618.637đ (số tiền gốc còn lại) - 65.000.000đ (tiền gốc bà M đã trả bà L ngày 15/12/2022) - 87.868.149đ (số tiền lãi bà M trả bà L vượt quá quy định của pháp luật) = 145.750.488đ (một trăm bốn mươi lăm triệu bảy trăm năm mươi nghìn bốn trăm tám mươi tám đồng), làm tròn

số là 145.750.000đ (một trăm bốn mươi lăm triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) không lãi suất.

Đối với đề nghị xóa nợ, khát nợ đến khi khỏi bệnh của M: Hội đồng xét xử thấy, bà M và gia đình cung cấp hồ sơ bệnh án việc bà bị ung thư cổ tử cung giai đoạn di căn, sức khỏe yếu phải đi điều trị ở nhiều cơ sở y tế là có thật. Tại phiên tòa, bà L không chấp nhận xóa nợ hoặc cho bà M khát nợ. Hơn nữa, giữa bà M và bà L khi vay tiền không có điều khoản xóa nợ hoặc khát nợ khi bên vay bị bệnh hiểm nghèo nên yêu cầu của bà M không được chấp nhận. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà L không yêu cầu bà M trả lãi từ ngày 16/12/2022 đến khi bản án (quyết định) của Tòa án có hiệu lực pháp luật và bà L có đơn yêu cầu thi hành án. Đây là sự tự nguyện của bà L nhằm giúp đỡ một phần khi bà M bị bệnh.

[3]. Về án phí: Do bị đơn thuộc trường hợp người cao tuổi nên được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 357, 463, 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L. Buộc bà Nguyễn Thị M phải trả bà Nguyễn Thị L số tiền 145.750.000đ (một trăm bốn mươi lăm triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

2. Bà Nguyễn Thị M thuộc trường hợp người cao tuổi được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm.

3. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

4. Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu người phải thi hành án không thi hành khoản tiền còn nợ thì còn phải trả tiền lãi theo quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

#### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND huyện Y;
- Chi cục THADS huyện Y;
- Các đương sự;
- Lưu VP-HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Song Lưu**